ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy, bút, thẻ chữ số 0–9 và bảng hàng do người lớn kẻ. Thẻ giá trị có thể thay cho nhiều đơn vị theo quy ước; không cần đếm hàng triệu đồ vật.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc đúng dữ kiện của từng nhiệm vụ; em có thể viết, lập bảng hàng hoặc dùng thẻ giá trị để giải thích.

Kiểm lại kết quả bằng cấu tạo số, phép tính ngược hoặc một cách khác phù hợp.

LƯU Ý CHUNG

Để trẻ tự làm rồi giải thích mối quan hệ đã dùng. Đọc lại nguyên đề khi cần, không đọc đáp án trước.

Số có nhiều chữ số được tách nhóm ba chữ số để dễ đọc. Chấp nhận khoảng cách nhóm khác nhau nếu số và giá trị các hàng đúng.

Ghi riêng phần được giúp; không dùng tốc độ hoặc số trang đã làm làm bằng chứng đã hiểu.

Bài 1 · tr. 01 Trừ nhiều chữ số không mượn

Mục tiêu Đặt tính và trừ số nhiều chữ số không mượn.

Ví dụ 10 477 788 − 123 572 = 10 354 216. Khi một cột chưa đủ để trừ, đổi 1 đơn vị hàng bên trái thành 10 đơn vị hàng đang xét.

Câu 1 · tr. 01 477 788 − 123 572 = 354 216.

Câu 2 · tr. 01 336 889 − 132 274 = 204 615.

Câu 3 · tr. 01 Còn 1 420 306 tờ; 2 031 421 + 1 420 306 = 3 451 727.

Câu 4 · tr. 02 Sửa thành 204 615; 132 274 + 204 615 = 336 889. Nếu dùng 204 625 thì tổng lớn hơn số bị trừ 10 đơn vị.

Bài 2 · tr. 02 Trừ có một lượt mượn

Mục tiêu Đặt tính và trừ số nhiều chữ số có một lượt mượn.

Ví dụ 10 323 464 − 200 008 = 10 123 456. Khi một cột chưa đủ để trừ, đổi 1 đơn vị hàng bên trái thành 10 đơn vị hàng đang xét.

Câu 1 · tr. 02 323 464 − 200 008 = 123 456.

Câu 2 · tr. 02 528 853 − 102 138 = 426 715.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 3 · tiếp tục

Câu 3 · tr. 03 Còn 541 232 tờ; 223 575 + 541 232 = 764 807.

Câu 4 · tr. 03 Sửa thành 426 715; 102 138 + 426 715 = 528 853. Nếu dùng 426 725 thì tổng lớn hơn số bị trừ 10 đơn vị.

Bài 3 · tr. 03 Trừ có hai lượt mượn không liên tiếp

Mục tiêu Đặt tính và trừ số nhiều chữ số có hai lượt mượn không liên tiếp.

Ví dụ 10 516 070 − 202 929 = 10 313 141. Khi một cột chưa đủ để trừ, đổi 1 đơn vị hàng bên trái thành 10 đơn vị hàng đang xét.

Câu 1 · tr. 03 516 070 − 202 929 = 313 141.

Câu 2 · tr. 04 728 090 − 303 838 = 424 252.

Câu 3 · tr. 04 Còn 135 264 tờ; 202 828 + 135 264 = 338 092.

Câu 4 · tr. 04 Sửa thành 424 252; 303 838 + 424 252 = 728 090. Nếu dùng 424 262 thì tổng lớn hơn số bị trừ 10 đơn vị.

Bài 4 · tr. 04 Trừ có ba lượt mượn không liên tiếp

Mục tiêu Đặt tính và trừ số nhiều chữ số có ba lượt mượn không liên tiếp.

Ví dụ 10 606 070 − 292 929 = 10 313 141. Khi một cột chưa đủ để trừ, đổi 1 đơn vị hàng bên trái thành 10 đơn vị hàng đang xét.

LT LT1 · tr. 04 Không; 8 − 3 = 5, nên hàng đơn vị không cần mượn.

Câu 1 · tr. 05 606 070 − 292 929 = 313 141.

Câu 2 · tr. 05 808 090 − 383 838 = 424 252.

Câu 3 · tr. 05 Còn 135 264 tờ; 282 828 + 135 264 = 418 092.

Câu 4 · tr. 05 Sửa thành 424 252; 383 838 + 424 252 = 808 090. Nếu dùng 424 262 thì tổng lớn hơn số bị trừ 10 đơn vị.

Bài 5 · tr. 06 Giải chuyện trừ và kiểm bằng cộng

Mục tiêu Chọn phép trừ theo quan hệ còn lại hoặc chênh lệch rồi kiểm bằng cộng.

Ví dụ Có 356 840 tờ và dùng 123 620 tờ thì còn 233 220 tờ; kiểm bằng 123 620 + 233 220 = 356 840.

Câu 1 · tr. 06 Còn 123 456 quyển; 200 008 + 123 456 = 323 464.

Câu 2 · tr. 06 516 070 − 202 929 = 313 141 hạt; kiểm 202 929 + 313 141 = 516 070.

Câu 3 · tr. 06 Cần 424 252 tờ; 383 838 + 424 252 = 808 090.

Câu 4 · tr. 06 Lúc đầu là tổng phần đã dùng và phần còn: 200 008 + 123 456 = 323 464 tờ. Không chọn phép tính chỉ theo một từ khóa.